

Bản án số: 08/2023/KDTM-ST

Ngày: 28/3/2023

V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tiến.

*Hội thẩm nhân dân:* - Bà Nguyễn Thị Xuân Phương

- Ông Nguyễn Danh Hải

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 55/2020/TLST- KDTM ngày 01/10/2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST- KDTM ngày 07 tháng 3 năm 2023 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại TNHH MTV D (...) - Trụ sở: Tòa nhà Capital Tower, số 109 T, quận H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật; Ông Hồ Hữu M - Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hà Thanh P - Trưởng phòng xử lý và thu hồi nợ; Ông Nguyễn Ngọc T - Phó phòng xử lý và thu hồi nợ; Ông Phạm Hoàng H và ông Nguyễn Bá H - Cán bộ phòng xử lý và thu hồi nợ. (Theo giấy ủy quyền số 48/2022/UQ-TGD ngày 26/10/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng TM TNHH MTV D).

2. **Bị đơn:** Công ty TNHH T - Trụ sở: Số ..., ngõ T, phố Đ, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Cao T - Giám đốc; Đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: Số ..., ngõ T, phố Đ, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Công ty TNHH C; Trụ sở: Km ..., xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Thanh T – Giám đốc; Hộ khẩu thường trú: Số .. H, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

3.2. Công ty TNHH C; Trụ sở: Số ..., phố Đ, phường T, quận H, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị P - Giám đốc; hộ khẩu thường trú: Số ..., ngõ T, phố Đ, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội; nơi ở: Số ..., ngách 40, ngõ T, phố Đ, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

3.3. Công ty TNHH Thương mại T; Trụ sở: Số 29 H, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Bà Mai Thị Phong L– Giám đốc; hộ khẩu thường trú: Tập thể 203 M, phường M, quận H, TP. Hà Nội.

3.4. Công ty TNHH Thương mại và sản xuất cơ khí T; Địa chỉ: Km ..., xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

3.5. Công ty TNHH T; Địa chỉ: Km ..., xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

3.6. Công ty TNHH P; Địa chỉ: Km ..., xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

3.7. Công ty TNHH MTV H; Địa chỉ: Km ..., xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

3.8. Nhà máy N; Địa chỉ: Km ..., xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Tại phiên tòa có mặt người đại diện theo ủy của nguyên đơn. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 21/01/2008, Ngân hàng TMCP D (Nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D (sau đây gọi tắt là G) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (sau đây gọi tắt là Công ty T) đã ký Hợp đồng tín dụng số 0027/HĐTD-GPBHO/08 với nội dung cụ thể như sau: Giá trị hạn mức tín dụng 25.000.000.000đ(Hai mươi lăm tỷ đồng). Thời hạn của hạn mức: 12 tháng, thời hạn của mỗi khế ước trong hạn mức là 06 tháng; Lãi suất vay 1,02%/ tháng (12,24%/năm); Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh đường của Công ty, mở LC, thanh toán LC; Phương thức vay hạn mức, giải ngân nhiều lần; Hình thức giải ngân là chuyển khoản; Trả nợ gốc 06 tháng/lần theo từng khế ước nhận nợ; Trả nợ lãi đều hàng tháng. Căn cứ hợp đồng tín dụng Công ty TNHH T đã nhận đủ số tiền 24.990.000.000đồng và đã ký kết các khế ước nhận nợ cụ thể như sau: Khế ước số 01/0027/HĐTDHM/08 ngày 22/01/2008 số tiền 4.880.000.000đ; Khế ước số 02/0027/HĐTDHM/GPB/08 ngày 29/01/2008 số tiền 4.850.000.000đ; Khế ước số 03/0027/HĐTDHM/GPB/08 ngày 01/02/2008 số tiền 5.260.000.000đ; Khế ước số 04/0027/KUNN-GPBHO/08 ngày 15/02/2008 số tiền 2.500.000.000đ; Khế ước số 05/0027/KUNN-GPBHO/08 ngày 11/04/2008 số tiền 2.500.000.000đ; Khế ước số 06/0027/KUNN-GPBHO/08 ngày 22/10/2008 số tiền 5.000.000.000đ.

Tài sản bảo đảm lúc đầu hàng hóa bao gồm 690 tấn đường kính trắng loại I theo Hợp đồng cầm cố tài sản số 046/2008/HĐCC/GPB ngày 14/02/2008;

610.000kg đường trắng RE2 và 305.000kg đường vàng theo Hợp đồng cầm cố số 5.0027/2008/HĐCC/GPB ngày 11/04/2008; 302.000kg đường trắng RF2 và 1.000.000kg đường trắng SRS.50 theo Hợp đồng cầm cố tài sản số 0027/2008/HĐCC/GPB ngày 01/4/2008; 658.000kg đường trắng của Công ty Cổ phần mía đường Cao Bằng và 198.000kg của Công ty TNHH đường mía Việt Nam theo Hợp đồng cầm cố tài sản số 06.0027/2008/HĐCC/GPB ngày 22/4/2008; 1.252.000kg đường kính trắng loại I theo Hợp đồng cầm cố tài sản hình thành từ vốn vay số 027/2008/HĐCC/GPB ngày 22/01/2008. Bất động sản bao gồm: Quyền sở hữu căn hộ nhà chung cư của ông Nguyễn Đình V và vợ là bà Nguyễn Thị P tại địa chỉ số 219 (cũ 89), Nhà ..., Tập thể T, phường T, quận B, TP. Hà Nội và Quyền sở hữu căn hộ nhà chung cư của ông Nguyễn Đình V và vợ là bà Nguyễn Thị P tại địa chỉ Căn hộ số ..., Nhà A-105 Đ, Tập thể B, phường Ô, quận Đ, TP. Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp quyền sở hữu căn hộ nhà chung cư của người thứ ba để vay vốn ngân hàng số công chứng 1693 ngày 28/01/2008; Quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất của ông Hoàng Cao T và vợ là Nguyễn Thị P tại địa chỉ số ..., phố H, phường C, quận H, TP. Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba để vay vốn ngân hàng số công chứng 2131 ngày 01/02/2008; Quyền sở hữu căn hộ nhà chung cư của ông Phan Huy C và vợ là bà Nguyễn Thị Thu P tại địa chỉ Căn hộ ..., Nhà B, Tập thể B, phường Ô, quận Đ, TP. Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba để vay vốn ngân hàng số công chứng 1694 ngày 28/01/2008; Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của ông Nguyễn Đình V và vợ là bà Nguyễn Thị P tại số ..., Khu tập thể Sư đoàn ..., xã X, huyện T, TP. Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba để vay vốn ngân hàng số công chứng 1692 ngày 28/01/2008.

Quá trình giải quyết khoản nợ: Khi khoản vay của khách hàng Công ty TNHH T đến hạn trả nợ, G đã nhiều lần làm việc, yêu cầu khách hàng thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký với G. Ngày 22/01/2009, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an đã ban hành Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 09/C15(P10) vụ án: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Vi phạm quy định cho vay của các tổ chức tín dụng”; Quyết định khởi tố bị can số 14/C15(P10) ngày 02/07/2009 đối với ông Hoàng Cao T (Giám đốc công ty TNHH T) về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 139 của Bộ luật hình sự. Sau khi ông Hoàng Cao T tại ngoại để khắc phục hậu quả, G đã nhiều lần làm việc với đại diện Công ty TNHH T và ông Hoàng Cao T để thống nhất phương án giải quyết khoản nợ. Khách hàng, bên bảo lãnh phối hợp với Ngân hàng thực hiện việc trả nợ số tiền 21.822.160.079 đồng nợ gốc, lãi và giải chấp các tài sản bảo đảm sau: Quyền sở hữu căn hộ nhà chung cư của ông Nguyễn Đình V và vợ là bà Nguyễn Thị P tại địa chỉ số ... (cũ 89), Nhà ....., Tập thể T, phường T, quận B, TP. Hà Nội và Quyền sở hữu căn hộ nhà chung cư của ông Nguyễn Đình V và vợ là bà Nguyễn Thị P tại địa chỉ Căn hộ số ..., Nhà A-105 Đ, Tập thể B, phường Ô, quận Đ, TP. Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp quyền sở hữu căn hộ nhà chung cư của người thứ ba để vay vốn

ngân hàng số công chứng 1693 ngày 28/01/2008. Quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất của ông Hoàng Cao T và vợ là Nguyễn Thị P tại địa chỉ số ..., phố H, phường C, quận H, TP. Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba để vay vốn ngân hàng số công chứng 2131 ngày 01/02/2008; Quyền sở hữu căn hộ nhà chung cư của ông Phan Huy C và vợ là bà Nguyễn Thị Thu P tại địa chỉ Căn hộ ..., Nhà ..., Tập thể B, phường Ô, quận Đ, TP. Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba để vay vốn ngân hàng số công chứng 1694 ngày 28/01/2008; Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của ông Nguyễn Đình V và vợ là bà Nguyễn Thị P tại số ..., Khu tập thể ..., xã X, huyện T, TP. Hà Nội.

Đối với tài sản bảo đảm là đường (theo các Hợp đồng thế chấp nêu trên), theo nội dung Bản kết luận điều tra số: 07/C15(10) ngày 12/05/2010, ông Hoàng Cao T đã thừa nhận theo chỉ đạo của bà P, ông T đã ký không 05 Hợp đồng mua bán đường, 04 Biên bản định giá tài sản bảo đảm, 04 Hợp đồng thuê kho 3 bên, 04 biên bản kiểm kê giao nhận tài sản để lập hồ sơ vay 24.990.000.000đồng của G, đến nay mất khả năng thanh toán.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ còn lại đối với G, Công ty TNHH T đã thống nhất với Công ty TNHH C (Hung Yên) bổ sung tài sản thế chấp là công trình xây dựng gắn liền với thửa đất số 235 +236 tờ bản đồ số 2 và thửa đất số 236 tờ bản đồ số 5 tại địa chỉ xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên theo Hợp đồng thế chấp số 196 quyền số 01/2013TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/04/2013. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/04/2013. Ngày 01/11/2017, G đã gửi Công văn về việc cung cấp kết quả giải quyết vụ án số 4395/VKSTC-V3 đến Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã có Công văn phúc đáp số 1449/2017-NHDK28 ngày 25/9/2017, theo đó ngày 07/07/2016 Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành Quyết định đình chỉ vụ án số 06/VKSTC - V3, đình chỉ mọi hoạt động tố tụng đối với bị can Hoàng Cao T kể từ ngày 07/07/2016.

Tính đến nay Công ty TNHH T đã thanh toán cho G số tiền: 20.487.437.014đồng nợ gốc và 1.334.723.065đồng nợ lãi. Dư nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 28/3/2023 là: 26.837.416.888đồng, trong đó: Nợ gốc: 4.502.562.986đồng; Nợ lãi trong hạn: 530.455.243đồng; Nợ lãi trên gốc quá hạn: 21.804.398.659đồng. Ngân hàng TM TNHH D yêu cầu Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng buộc Công ty TNHH T phải trả cho G tổng số tiền cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/3/2023 là 26.837.416.888đồng, trong đó: Nợ gốc: 4.502.562.986đồng; Nợ lãi trong hạn: 530.455.243đồng; Nợ lãi trên gốc quá hạn: 21.804.398.659đồng. Công ty TNHH T tiếp tục phải chịu lãi theo Hợp đồng tín dụng số 0027/HĐTD-GPBHO/08 ngày 21/01/2008, các phụ lục kèm theo, các khế ước nhận nợ và theo quy định của pháp luật từ ngày 19/3/2023 đến ngày tất toán khoản nợ tại G.

Trong trường hợp Công ty TNHH T không trả nợ, trả nợ không đầy đủ, đề nghị Toà án cho xử lý tài sản bảo đảm là: Toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với thửa đất số 235 và 236 tờ bản đồ số 2 và thửa đất số 236 tờ bản đồ số 5 tại địa chỉ xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở

hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 914004 do UBND tỉnh Hưng Yên cấp ngày 07/01/2010 cho Công ty TNHH C (Hưng Yên) theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 196 quyền số 01/2013TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/04/2013; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/04/2013.

*Bị đơn* Công ty TNHH T do ông Hoàng Cao T là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử để ông T biết những vấn đề cụ thể mà nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời triệu tập ông T đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên, ông T không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:* Công ty TNHH C (Hưng Yên); Trụ sở: Km ..., xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Thanh T; Công ty TNHH Cao C (Hà Nội); Trụ sở: Số ..., phố Đ, phường T, quận H, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị P; Công ty TNHH Thương mại T; Trụ sở: Số 29 H, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Bà Mai Thị Phong L; Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất cơ khí T; Địa chỉ: Km ....., xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Công ty TNHH T; Địa chỉ: Km ..., xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Công ty TNHH P; Địa chỉ: Km ..., xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Công ty TNHH MTV H; Địa chỉ: Km ..., xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Nhà máy n; Địa chỉ: Km ..., xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ từ khi thụ lý cho đến khi xét xử nhưng đều không đến Tòa án làm việc, cũng không có bất cứ văn bản ghi ý kiến nào gửi Tòa án đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 28/3/2023 là nợ gốc: 4.502.562.986đđ; Nợ lãi trong hạn: 530.455.243đ; Nợ lãi trên gốc quá hạn: 21.804.398.659đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 26.837.416.888đ. Trong trường hợp bị đơn không thanh toán toàn bộ số nợ nêu trên thì nguyên đơn có quyền đề nghị xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đã tuân theo pháp luật. Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt, không đến tòa án ghi lời khai, hay có văn bản ghi ý kiến nào gửi đến Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 51, 54, 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Điều 11 Quy chế cho vay, kèm theo Quyết định 1627 ngày 21.12.2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng QĐ số 127/2005/QĐ- NHNN ngày 03/2/2005; Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước; Căn cứ Nghị quyết 01/2019/HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Đình chỉ đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu công ty TNHH Thanh T phải thanh toán nợ lãi trên lãi chậm trả theo HĐTD số 0027/HĐTD-GPBHO/08 ký ngày 21/01/2008 đã ký kết giữa hai bên.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại TNHH MTV D (G) đối với công ty TNHH Thanh T. Buộc công ty TNHH Thanh T phải thanh toán cho Ngân hàng G số tiền tạm tính theo bảng kê đến ngày 08/11/2022 là 26.545.106.747 đồng bao gồm nợ gốc: 4.502.562.986 đồng, nợ lãi trong hạn: 530.455.243 đồng, nợ lãi quá hạn: 21.512.088.518 đồng. Trong trường hợp công ty TNHH T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo HĐTD đã ký thì Ngân hàng G có quyền đề nghị cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp. Về án phí: Căn cứ theo quy định của BLTTDS 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn phải chịu án phí KDTM sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên toà sơ thẩm ngày 07/03/2023 chỉ có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên toà và ấn định phiên toà tiếp theo mở vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 28/3/2023. Quyết định hoãn phiên toà đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà ngày 28/3/2023 chỉ có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hợp đồng tín dụng được ký kết là hợp đồng cho vay nhằm mục đích kinh doanh. Bị đơn là Công ty TNHH T có trụ sở tại số .. Ngõ T, phố Đ, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội, do vậy Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn đối với hợp đồng tín dụng xét thấy: Ngày 21/01/2008, Ngân hàng TMCP D (Nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D (sau đây gọi tắt là G) và Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là Công ty T) đã ký Hợp đồng tín dụng số 0027/HĐTD-GPBHO/08 với giá trị hạn mức tín dụng 25.000.000.000đồng. Thời hạn của hạn mức: 12 tháng, thời hạn của mỗi khế ước trong hạn mức là 06 tháng; Lãi suất vay 1,02%/tháng (12,24%/năm); Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh đường của Công ty, mở LC, thanh toán LC; phương thức vay hạn mức, giải ngân nhiều lần; Hình thức giải ngân là chuyển khoản; Trả nợ gốc 06 tháng/lần theo từng khế ước nhận nợ; Trả nợ lãi đều hàng tháng. Căn cứ hợp đồng tín dụng Công ty TNHH Thanh T đã nhận đủ số tiền 24.990.000.000đồng theo các khế ước nhận nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH T đã thanh toán cho G số tiền 20.487. 437.014đồng tiền gốc và 1.334.723.065đồng tiền lãi. Bị đơn đã được tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nhưng không đến tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải và các phiên tòa. Tòa án căn cứ vào các khế ước nhận nợ phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết là có thật và hợp pháp.

[3.1]. Xét hợp đồng tín dụng được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, hình thức và nội dung phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Điều 51 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 122, Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc tính đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận cụ thể như sau: Buộc bị đơn là Công ty TNHH T phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D số tiền nợ gốc còn nợ là: 4.502.562.986đồng (*Bốn tỷ, năm trăm linh hai triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng*).

[3.2]. Đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả: Xét thấy lãi suất nguyên đơn yêu cầu đối với khoản nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là có căn cứ, việc thỏa thuận về lãi của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. G áp dụng lãi suất cho vay thả nổi, thay đổi hàng tháng theo biểu lãi suất cho vay của G tại từng thời kỳ, tùy thuộc vào lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố và tình hình của thị trường. Nguyên đơn đã có Bảng tính lãi cũng như giải trình về việc thay đổi lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ từ ngày 22/01/2010 đến ngày 28/3/2023 lãi suất trong hạn được ngân hàng điều chỉnh theo quy định của ngân hàng mức cao nhất là 22%/năm và mức thấp nhất là 9,8%/năm. Theo quy định tại khoản 2 Điều 11 quy chế cho vay số 1627 ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số

127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 thì “*Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam được quyền thỏa thuận lãi suất với khách hàng*” và tại Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định “*Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn... không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng*”. Do đó cần chấp nhận số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn như phía nguyên đơn đã giải trình là đúng với quy định của pháp luật, cụ thể như sau: Số tiền lãi trong hạn còn nợ theo hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ tính đến ngày 28/03/2023 là: 530.455.243 đồng; Số tiền nợ lãi quá hạn của hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ tính đến ngày 28/03/2023 chưa trả cho nguyên đơn là: 21.761.455.465 đồng.

[3.3]. Do vậy cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 28/3/2023 là: 4.502.562.986đ + 530.455.243đ + 21.761.455.465đ = 26.794.473.694 đồng. (*Hai mươi sáu tỷ, bảy trăm chín mươi bốn triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn, sáu trăm chín mươi bốn đồng.*).

[3.4]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về nợ lãi trên lãi chậm trả với số tiền 780.288.176 đồng. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu này, việc nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật; do vậy cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu này là có căn cứ.

[4]. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn:

Đối với yêu cầu phát mại khối tài sản là: Toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với thửa đất số 235 và 236 tờ bản đồ số 2 và thửa đất số 236 tờ bản đồ số 5 tại địa chỉ xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên là: Nhà máy sản xuất bao bì tại địa chỉ xã Đ và xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 914004 do UBND tỉnh Hưng Yên cấp ngày 07/01/2010 cho Công ty TNHH C (Hưng Yên) theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 196 quyền số 01/2013TP/CC-SCC/HĐGD do công chứng viên Phòng công chứng số 2 tỉnh Hưng Yên chứng nhận ngày 05/04/2013; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/04/2013. Theo hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp nêu trên được dùng để bảo đảm cho các nghĩa vụ trả nợ của các công ty bao gồm Công ty TNHH T, Công ty TNHH Cao C (Hai Bà Trưng), Công ty T tại ngân hàng G. Các bên tham gia ký kết hợp đồng thế chấp đều tự nguyện. Trước khi ký các hợp đồng thế chấp đối với tài sản bảo đảm nêu trên, các bên đã tiến hành các thủ tục xác nhận, thẩm định, định giá tài sản theo đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp được lập thành văn bản, có công chứng chứng nhận và được đăng ký giao dịch bảo đảm. Như vậy hợp đồng thế chấp được lập đúng theo quy định của pháp luật về hình thức và nội dung nên thỏa mãn các quy định về thế chấp tài sản quy định tại các Điều 320, 324, 342, 343, 344 và 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Luật đất đai năm 2010; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Do đó trong trường hợp Công ty TNHH T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận trong

hợp đồng tín dụng thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, tài sản thế chấp trong vụ án này không chỉ bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH T tại ngân hàng G mà còn bảo đảm cho hai nghĩa vụ trả nợ khác của Công ty TNHH C (Hai Bà Trưng), Công ty T. Nội dung của hợp đồng thế chấp không có điều khoản quy định về tỷ lệ phân chia nghĩa vụ thanh toán hay thứ tự ưu tiên thanh toán các nghĩa vụ trả nợ sau khi phát mại tài sản thế chấp. G khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thanh toán khoản nợ của Công ty TNHH T là một trong ba nghĩa vụ được bảo đảm trong hợp đồng thế chấp mà các bên được bảo đảm bằng tài sản thế chấp trong hợp đồng thế chấp có quyền và nghĩa vụ ngang nhau, nên nghĩa vụ của Công ty TNHH T sẽ được bảo đảm bằng 1/3 giá trị tài sản thế chấp là toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với thửa đất số 235 và 236 tờ bản đồ số 2 và thửa đất số 236 tờ bản đồ số 5 tại địa chỉ xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên là: Nhà máy sản xuất bao bì tại địa chỉ xã Đ và xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 196 quyền số 01/2013TP/CC-SCC/HĐGD do công chứng viên Phòng công chứng số 2 tỉnh Hưng Yên chứng nhận ngày 05/04/2013; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 914004 do UBND tỉnh Hưng Yên cấp ngày 07/01/2010 cho Công ty TNHH C (Hưng Yên).

[5]. Từ những phân tích nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn buộc Công ty TNHH T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D các khoản tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 0027/HĐTD-GPBHO/08 ngày 28/01/2008, phụ lục hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ được ký kết giữa các bên tính đến 28/03/2023; Cụ thể như sau: Nợ gốc là: 4.502.562.986đồng; Nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 22.291.910.708đồng. Tổng cộng: 26.794.473.694đồng (*Hai mươi sáu tỷ, bảy trăm chín mươi bốn triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn, sáu trăm chín mươi bốn đồng*).

Trong trường hợp Công ty TNHH T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với thửa đất số 235 và 236 tờ bản đồ số 2 và thửa đất số 236 tờ bản đồ số 5 tại địa chỉ xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên là: Nhà máy sản xuất bao bì tại địa chỉ xã Đ và xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 914004 do UBND tỉnh Hưng Yên cấp ngày 07/01/2010 cho Công ty TNHH C (Hưng Yên) theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 196 quyền số 01/2013TP/CC-SCC/HĐGD do công chứng viên Phòng công chứng số 2 tỉnh Hưng Yên chứng nhận ngày 05/04/2013; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/04/2013 tại Văn phòng đăng ký

quyền sử dụng đất tỉnh Hưng Yên. Ngân hàng được thu 1/3 tổng số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp nói trên.

Khi xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức cá nhân đang sản xuất kinh doanh, sinh sống, sinh hoạt dưới mọi hình thức trên tài sản thế chấp có nghĩa vụ chuyển đi nơi khác để thi hành án. Trường hợp có tranh chấp liên quan đến các hợp đồng thuê nhà xưởng hoặc các hợp đồng khác thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu các bên có tranh chấp và có yêu cầu tòa án giải quyết.

[6] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần nguyên đơn đã rút yêu cầu số tiền nợ lãi trên lãi chậm trả với số tiền là 780.288.176 đồng.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 95, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung năm 2004; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 122, Điều 124, Điều 290, Điều 320, Điều 324, Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 355, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm; Quy chế cho vay, kèm theo Quyết định 1627 ngày 21/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005; Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Xử:**

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D đối với bị đơn Công ty TNHH T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[2]. Buộc bị đơn Công ty TNHH T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D các khoản tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 0027/HĐTD-GPBHO/08 ngày 28/01/2008, phụ lục hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ được ký kết giữa các bên tính đến 28/03/2023; Cụ thể như sau: Nợ gốc là: 4.502.562.986 đồng; Nợ lãi trong hạn là 530.455.243 đồng; Nợ lãi quá hạn là

21.761.455.465đồng. Tổng cộng: 26.794.473.694đồng (*Hai mươi sáu tỷ, bảy trăm chín mươi bốn triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn, sáu trăm chín mươi bốn đồng*).

[3]. Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các phụ lục hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.

[4]. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Trong trường hợp Công ty TNHH T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với thửa đất số 235 và 236 tờ bản đồ số 2 và thửa đất số 236 tờ bản đồ số 5 tại địa chỉ xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên là: Nhà máy sản xuất bao bì tại địa chỉ xã Đ và xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 914004 do UBND tỉnh Hưng Yên cấp ngày 07/01/2010 cho Công ty TNHH C (Hưng Yên) theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 196 quyển số 01/2013TP/CC-SCC/HĐGD do công chứng viên Phòng công chứng số 2 tỉnh Hưng Yên chứng nhận ngày 05/04/2013; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/04/2013 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Hưng Yên. Ngân hàng được thu 1/3 tổng số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp nói trên.

[6]. Khi xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức cá nhân đang sản xuất kinh doanh, sinh sống, sinh hoạt dưới mọi hình thức trên tài sản thế chấp có nghĩa vụ chuyển đi nơi khác để thi hành án. Trường hợp có tranh chấp liên quan đến các hợp đồng thuê nhà xưởng hoặc các hợp đồng khác thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu các bên có tranh chấp và có yêu cầu tòa án giải quyết.

[7]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần nguyên đơn đã rút yêu cầu số tiền nợ lãi trên lãi chậm trả với số tiền 780.288.176đồng.

[8]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền là: 134.794.000đồng(*Một trăm ba mươi bốn triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn đồng*). Hoàn trả lại nguyên đơn số tiền 69.827.035đồng (*Sáu mươi chín triệu, tám trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm ba mươi lăm đồng*) tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AC/2015/0003507 ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

[9] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm; Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- VKSND Q. Hai Bà Trưng;
- Chi cục Thi hành án Q. Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**Phạm Văn Tiến**